TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN K **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/DS-ST
Ngày -7-2021
V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Minh Thông

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Biên

2. Bà Hoàng Thị Chính

- Thư ký phiên toà: Ông Trịnh Việt Anh, Thư ký Toà án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:, Kiểm sát viên.

Ngày tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số 04/2021/TLST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2021 về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số /QĐXXST-DS ngày tháng năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Xuân H

Nơi cư trú: Tổ 8, phường B, quận K, thành phố Hải Phòng, có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Xuân T

Nơi cư trú: Tổ 8, phường B, quận K, thành phố Hải Phòng, có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Xuân C

Nơi cư trú: Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23 tháng 11 năm 2020 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là ông Nguyễn Xuân H trình bày:

Ông và bà Hoàng Thị Thu N kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, ông bà tạo dựng được căn nhà xây cấp 4, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất. Ngày tháng năm, bà Hoàng Thị Thu N chết, khi chết không để lại di chúc. Di sản thừa kế do bà N để lại là 1/2 giá trị nhà đất. Do căn nhà cấp 4 lâu ngày bị hư hỏng, dột nát, không thể sử dụng được,

do vậy đầu năm 2015 ông đã đi vay tiền để sửa chữa lại toàn bộ căn nhà nêu trên. Tổng trị giá sửa chữa hết 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng), việc này tổ dân cư, Ủy ban nhân dân phường và nhất là cháu Nguyễn Xuân T là người cùng chung sống với ông đều biết.

Hội đồng định giá đã xác định tổng giá trị tại sản của ông và bà N là . Trong đó sau khi bà N chết, ông đã đi vay tiền để sửa chữa căn nhà hết 150.000.000đ. Như vậy tài sản chung của ông bà là 150.000.000đ = . Do đó phần di sản thừa kế do bà Hoàng Thị N để lại là. Nay ông đề nghị Tòa án nhân dân quận K phân chia di sản thừa kế do bà Hoàng Thị N là vợ ông để lại theo hướng ông được quyền quản lý, sở hữu toàn bộ nhà đất và thanh toán cho các đồng thừa kế kỷ phần thừa kế theo quy định của pháp luật.

Bị đơn là anh Nguyễn Xuân T trình bày:

Anh là con của ông Nguyễn Xuân H và bà Hoàng Thị Thu N. Ông H và bà N sinh được 02 người con gồm: Anh Nguyễn Xuân C, sinh năm 1977 và anh là Nguyễn Xuân T.

.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Xuân C trình bày:

Anh là con của ông Nguyễn Xuân H và bà Hoàng Thị Thu N. Ông H và bà N sinh được 02 người con gồm: Anh Nguyễn Xuân C, sinh năm 1977 và anh là Nguyễn Xuân T

.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, Hải Phòng: Về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chia di sản thừa kế là diện tích 172,75 m^2 đất thổ cư tại Tổ Hòa Bình 2, phường Tràng Minh, quận K, thành phố Hải Phòng theo hướng: Giao cho bà Phạm Thị Tơ quản lý sử dụng tổng diện tích 172,75m^2 + 43,1875m^2 = 215,94m^2 có vị trí và sơ đồ hiện trạng kèm theo (43,1875m^2 là phần di sản thừa kế mà bà Phạm Thị Tơ được chia). Bà Phạm Thị Tơ có nghĩa vụ thanh toán cho anh Phạm Quang Nam giá trị tài sản là nhà ở và khu phụ do anh Phạm Quang Nam xây dựng trên phần đất do bà Phạm Thị Tơ quản lý sử dụng và được giao là 125.430.400đ (một trăm hai mươi lăm triệu, bốn trăm ba mươi nghìn, bốn trăm đồng); Giao cho anh Phạm Quang Đạt quản lý, sử dụng phần diện tích đất còn lại là 129,56m^2, tương ứng với 03 kỷ phần thừa kế của Phạm Quang Nam, Phạm Quang Đạt và Phạm Thị Đào. Anh Phạm Quang Đạt có nghĩa vụ thanh toán giá trị phần di sản thừa kế được chia cho anh Phạm Quang Nam, chị Phạm Thị Đào mỗi người 863.750.000đ (tám trăm sáu mươi ba triệu bảy

trăm năm mươi nghìn đồng); Buộc anh Phạm Quang Nam phải tháo dỡ toàn bộ nhà xưởng bao gồm: 01 xưởng mái tôn kẽm cao 4,5m, vì kèo thép, xà gồ thép hộp, mặt sàn gỗ của gác xép trong khu xưởng, tôn bao che của gác xép, mái tôn và cầu thang của gác xép để trả lại diện tích đất cho bà Phạm Thị Tơ và anh Phạm Quang Đạt; áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, miễn tiền án phí sơ thẩm cho bà Phạm Thị Tơ; buộc anh Phạm Quang Nam phải nộp 41.675.000đ(bốn mươi mốt triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm; buộc anh Phạm Quang Đạt, chị Phạm Thị Đào mỗi người phải nộp 37.912.500đ (ba mươi bảy triệu, chín trăm mười hai nghìn, năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Phạm Thị Tơ có đơn khởi kiện anh Phạm Quang Nam tại Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng, do đó theo quy định tại khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự thì anh Phạm Quang Nam là bị đơn. Anh Phạm Quang Nam có địa chỉ cư trú tại Tổ Hòa Bình 1, phường Tràng Minh, quận K, thành phố Hải Phòng. Đây là tranh chấp về thừa kế tài sản theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó vụ án tranh chấp về thừa kế tài sản nêu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về áp dụng pháp luật: Ông Phạm Quang Cứ chết ngày 27 tháng 8 năm 1995, trước ngày Bộ luật Dân sự năm 1995 có hiệu lực, do vậy khi giải quyết tranh chấp về thừa kế tài sản, Hội đồng xét xử áp dụng Pháp lệnh thừa kế ngày 10 tháng 9 năm 1990 và các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết.

[3] Về thời điểm mở thừa kế:Theo quy định tại Điều 3 Pháp lệnh thừa kế năm 1990 thì thời điểm mở thừa kế là ngày 27 tháng 8 năm 1995 - ngày ông Phạm Quang Cứ chết. Địa điểm mở thừa kế tại nhà ông Phạm Quang Cứ có địa chỉ số 377 Đường Trần Tất Văn, Tổ Hòa Bình 2, phường Tràng Minh, quận K, thành phố Hải Phòng.

[4] Về di chúc: Ông Phạm Quang Cứ chết không để lại di chúc, do vậy theo quy định tại Điều 24 Pháp lệnh thừa kế, Tòa án nhân dân quận K giải quyết tranh chấp di sản thừa kế theo đơn khởi kiện của bà Phạm Thị Tơ theo pháp luật.

[5] Về thời hiệu: Trong vụ án này, các bên đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu. Mặt khác, theo quy định tại Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì thời hiệu trong vụ án này được tính theo quy định tại Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015, do đó thời hiệu khởi kiện tranh chấp về thừa kế tài sản vẫn còn.

[6] Về hàng thừa kế: Theo quy định tại Điều 25 Pháp lệnh thừa kế ngày 10 tháng 9 năm 1990 thì hàng thừa kế thứ nhất bao gồm: Bà Phạm Thị Tơ (vợ ông Phạm Quang Cứ) và các con của ông Cứ là Phạm Quang Nam, Phạm Quang Đạt, Phạm Thị Đào.

[7] Về di sản và kỷ phần thừa kế: Quá trình chung sống, ông Phạm Quang Cứ và bà Phạm Thị Tơ được quản lý, sử dụng diện tích 345,50m^2 đất thổ cư tại số 377 Đường Trần Tất Văn, Tổ Hòa Bình 2, phường Tràng Minh, quận K, thành phố Hải Phòng, tình tiết này đã được các bên đương sự thừa nhận, phù hợp với tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, do vậy đây là tình tiết không phải chứng minh trong vụ án theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Pháp lệnh thừa kế thì đây là tài sản chung của vợ chồng ông Phạm Quang Cứ và bà Phạm Thị Tơ, do đó di sản do ông Phạm Quang Cứ để lại là 1/2 diện tích đất thổ cư nêu trên tương ứng với 172,75m^2 đất. Căn cứ khoản 2 Điều 25 Pháp lệnh thừa kế thì những người cùng hàng thừa kế được hưởng phần di sản bằng nhau, do đó bà Phạm Thị Tơ, anh Phạm Quang Nam, anh Phạm Quang Đạt và chị Phạm Thị Đào mỗi người được hưởng kỷ phần là 172,75m^2 /4 = 43,1875m^2 đất. Hội đồng định giá đã xác định giá trị chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với diện tích đất là di sản thừa kế nêu trên theo giá thị trường là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng/1m^2 đất). Như vậy giá trị 01 kỷ phần thừa kế tương ứng với số tiền là 863.750.000đ (tám trăm sáu mươi ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

[8] Về phần tài sản của anh Phạm Quang Nam nằm trong tài sản chung của ông Phạm Quang Cứ và bà Phạm Thị Tơ: Các bên đương sự đều thừa nhận, anh Phạm Quang Nam là người xây dựng căn nhà và khu phụ hiện do bà Phạm Thị Tơ quản lý, sử dụng, Hội đồng định giá đã xác định giá trị nhà và khu phụ là 125.430.400đ, đây là tài sản gắn liền với đất, không thể di dời được. Ngoài ra anh Nam còn xây dựng trên phần đất 01 xưởng mái tôn kẽm cao 4,5m, vì kèo thép, xà gồ thép hộp, mặt sàn gỗ của gác xép trong khu xưởng, tôn bao che của gác xép, mái tôn và cầu thang của gác xép. Phần nhà xưởng này có thể di chuyển, tháo dỡ được, bà Phạm Thị Tơ và anh Phạm Quang Đạt cũng không có nhu cầu sử dụng, đối với nhà xưởng này, anh Nam tự nguyện tháo dỡ để trả lại đất cho bà Tơ và các đồng thừa kế khác. Anh Phạm Quang Nam yêu cầu mẹ anh là bà Phạm Thị Tơ có trách nhiệm thanh toán cho anh phần tài sản anh xây dựng trên đất hiện do bà Tơ quản lý, sử dụng tương ứng với số tiền 166.742.000đ. Căn cứ vào ý kiến trình bày của các bên và thực tế vụ kiện, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần ý kiến của anh Phạm Quang Nam, buộc bà Phạm Thị Tơ phải thanh toán cho anh giá trị nhà và khu phụ do bà Tơ đang quản lý sử dụng. Đồng thời buộc anh Phạm Quang Nam phải tháo dỡ toàn bộ phần nhà xưởng bao gồm 01 xưởng mái tôn kẽm cao 4,5m, vì kèo thép, xà gồ thép hộp, mặt sàn gỗ của gác xép trong khu xưởng, tôn bao che của gác xép, mái tôn và cầu thang của gác xép để trả lại đất cho bà Tơ và những người hưởng thừa kế nếu được phân chia quyền sử dụng đất.

[9] Về ý kiến của anh Phạm Quang Nam yêu cầu thực hiện chia di sản thừa kế theo Văn bản thỏa thuận lập ngày 12 tháng 6 năm 2009 tại Ủy ban nhân dân phường Tràng Minh, quận K, thành phố Hải Phòng: Tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế do bà Phạm Thị Tơ, anh Phạm Quang Nam, anh Phạm Quang Đạt, chị Phạm Thị Đào lập ngày 12 tháng 6 năm 2009 tại Ủy ban nhân dân phường Tràng Minh, quận K do các bên tự nguyện lập, tuy nhiên văn bản không xác định ranh giới, mốc giới, chưa thực hiện việc đo đạc, phân chia trên thực tế cho nên không thể thực hiện được. Mặt khác thẩm quyền lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế thuộc chức năng, nhiệm vụ

của phòng công chứng, Ủy ban nhân dân phường Tràng Minh không có thẩm quyền này, do vậy văn bản nêu trên không có giá trị thi hành. Hiện nay, bà Phạm Thị Tơ, anh Phạm Quang Đạt, chị Phạm Thị Đào đều không thực hiện văn bản nêu trên, do đó ý kiến của anh Phạm Quang Nam đề nghị Tòa án nhân dân quận K phân chia di sản thừa kế của ông Phạm Quang Cứ theo Văn bản thỏa thuận ngày 12 tháng 6 năm 2009 không phù hợp pháp luật, không được chấp nhận.

[10] Về phương án phân chia di sản: Căn cứ Điều 35 Pháp lệnh thừa kế, do các bên không thỏa thuận được với nhau về phân chia di sản thì những người thừa kế cùng hàng được chia phần di sản ngang nhau. Do bà Phạm Thị Tơ có quyền quản lý, sử dụng 172,75m^2 đất, bà nhận phân chia di sản theo hiện vật là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất, do vậy cần chia cho bà Tơ 43,1875m^2 đất (là 01 kỷ phần bà Tơ được hưởng), phần đất này tiếp giáp với nhà đất do bà Phạm Thị Tơ đang quản lý sử dụng. Quyền sử dụng đất là phần di sản còn lại được chia đều cho 03 người con là Phạm Quang Nam, Phạm Quang Đạt, Phạm Thị Đào mỗi người 43,1875m^2. Đối với phần diện tích đất còn lại có chiều dài giáp đường Trần Tất Văn là 4,05m, chiều dài giáp đất ông Phạm Quang Miết là 4,08m, do vậy không thể chia theo hiện hiện trạng quyền sử dụng đất được. Anh Phạm Quang Nam đã có nhà ở riêng, chị Phạm Thị Đào đã có gia đình và ở riêng, chỉ có anh Phạm Quang Đạt không có nhà ở, anh Phạm Quang Đạt có nguyện vọng được chia 01 lô để làm nhà ở. Xét yêu cầu này của anh Phạm Quang Đạt là phù hợp pháp luật và thực tế vụ án, cần chấp nhận yêu cầu nhận quyền sử dụng đất của anh Phạm Quang Đạt, giao cho anh Phạm Quang Đạt quản lý, sử dụng phần diện tích đất còn lại là 129,56m^2, tương ứng với 03 kỷ phần thừa kế của Phạm Quang Nam, Phạm Quang Đạt và Phạm Thị Đào. Anh Phạm Quang Đạt có nghĩa vụ thanh toán giá trị phần di sản thừa kế được chia cho anh Phạm Quang Nam, chị Phạm Thị Đào mỗi người 863.750.000đ (tám trăm sáu mươi ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Như vậy giá trị tài sản mà bà Phạm Thị Tơ, anh Phạm Quang Đạt, chị Phạm Thị Đào được nhận mỗi người là 863.750.000đ (tám trăm sáu mươi ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng); anh Phạm Quang Nam được nhận là 863.750.000đ + 125.430.400đ = 989.180.400đ (chín trăm tám mươi chín triệu, một trăm tám mươi nghìn, bốn trăm đồng).

[11] Về án phí: Bà Phạm Thị Tơ, anh Phạm Quang Nam, anh Phạm Quang Đạt và chị Phạm Thị Đào phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đối với bà Phạm Thị Tơ, do bà Tơ thuộc hộ cận nghèo, được Ủy ban nhân dân phường Tràng Minh, quận K, thành phố Hải Phòng xác nhận, do vậy Hội đồng xét xử miễn tiền án phí đối với bà Phạm Thị Tơ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ các điều 3, 24, 25, 35 Pháp lệnh thừa kế ngày 10 tháng 9 năm 1990; căn cứ các điều 468, 623, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Phạm Thị Tơ.

2. Di sản thừa kế được phân chia như sau:

2.1. Giao cho bà Phạm Thị Tơ quản lý sử dụng tổng diện tích 172,75m^2 + 43,1875m^2 = 215,94m^2 có vị trí và sơ đồ hiện trạng kèm theo (43,1875m^2 là phần di sản thừa kế mà bà Phạm Thị Tơ được chia). Bà Phạm Thị Tơ có nghĩa vụ thanh toán cho anh Phạm Quang Nam số tiền 125.430.400đ (một trăm hai mươi lăm triệu, bốn trăm ba mươi nghìn, bốn trăm đồng) là giá trị nhà ở và khu phụ do anh Phạm Quang Nam xây dựng trên phần đất do bà Phạm Thị Tơ quản lý sử dụng (có sơ đồ hiện trạng kèm theo).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh Phạm Quang Nam có đơn yêu cầu thi hành án khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng bà Phạm Thị Tơ còn phải chịu khoản tiền chậm thanh toán đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.2. Giao cho anh Phạm Quang Đạt quản lý, sử dụng phần diện tích đất còn lại là 129,56m^2, tương ứng với 03 kỷ phần thừa kế của Phạm Quang Nam, Phạm Quang Đạt và Phạm Thị Đào. Anh Phạm Quang Đạt có nghĩa vụ thanh toán giá trị phần di sản thừa kế được chia cho anh Phạm Quang Nam, chị Phạm Thị Đào mỗi người 863.750.000đ (tám trăm sáu mươi ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) (có sơ đồ hiện trạng kèm theo);

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh Phạm Quang Nam, chị Phạm Thị Đào có đơn yêu cầu thi hành án khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng anh Phạm Quang Đạt còn phải chịu khoản tiền chậm thanh toán đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Buộc anh Phạm Quang Nam phải tháo dỡ toàn bộ nhà xưởng bao gồm: 01 xưởng mái tôn kẽm cao 4,5m, vỉ kèo thép, xà gồ thép hộp, mặt sàn gỗ của gác xép trong khu xưởng, tôn bao che của gác xép, mái tôn và cầu thang của gác xép để trả lại diện tích đất cho bà Phạm Thị Tơ và anh Phạm Quang Đạt.

4. Về án phí: anh Phạm Quang Nam phải nộp 41.675.000đ(bốn mươi mốt triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm; anh Phạm Quang Đạt, chị Phạm Thị Đào mỗi người phải nộp 37.912.500đ (ba mươi bảy triệu, chín trăm mười hai nghìn, năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với bà Phạm Thị Tơ.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Phạm Thị Tơ, anh Phạm Quang Nam, anh Phạm Quang Đạt, chị Phạm Thị Đào có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận K;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận K;
- Đương sự;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Minh Thông